



Original Article

## Forest and Forestry Ecocultural System in Central Highlands, Vietnam

Nguyen Van Kim\*, Ho Thanh Tam

*VNU University of Social Sciences and Humanities, 336 Nguyen Trai, Thanh Xuan, Hanoi, Vietnam*

Received 04 June 2019

Revised 23 June 2019; Accepted 23 June 2019

**Abstract:** In the mindset of ethnic minority communities in Vietnam, Northeastern region, Northwestern regions and Truong Son-Central Highlands refers to a forest-related & cultural ecosystem. Especially, both living space and social space of the ethnic minorities in Truong Son - Central Highlands are deeply forest-related. Researchers often call it "mountainous culture", "highland culture" or "upland culture". Similar to many other ethnic minority groups in the North East and North West, those in Central Highland have long "eaten" the forest, have their livelihood based on forest, and shelter in wild highlands without any previous human footprints. They believe that deep forests, high mountains, and watershed forests are sacred, where gods situate in and therefore needed to be strictly protected.

However, wars, reclamation, economic development policies, consequences of migration and other reasons have significantly destroyed the forestry ecocultural system in Central Highlands, Vietnam. Ecological environment has been ruined rapidly while cultural spaces have also been seriously damaged. This article aims to examine roles of the forests in the preservation of traditional cultural values of the Central Highlands, and from which, provide recommendations to ensure green and sustainable development for local communities in the Central Highlands in particular and Vietnam in general.

**Keywords:** Forestry ecocultural system, forestry village, sustainable development for the Central Highlands.

\* Corresponding author.

*E-mail address:* [nguyenvankimls@yahoo.com](mailto:nguyenvankimls@yahoo.com)

<https://doi.org/10.25073/2588-1116/vnupam.4179>



## Rừng và hệ sinh thái văn hóa rừng ở Tây Nguyên

Nguyễn Văn Kim\*, Hồ Thành Tâm

*Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN,  
336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 04 tháng 6 năm 2019

Chỉnh sửa ngày 23 tháng 6 năm 2019; Chấp nhận đăng ngày 23 tháng 6 năm 2019

**Tóm tắt:** Trong tâm thức của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, nói đến vùng Đông Bắc, Tây Bắc, Trường Sơn - Tây Nguyên của Tổ quốc Việt Nam là nói đến các không gian sinh thái văn hóa núi rừng. Có thể hình dung về một “Không gian sinh tồn”, “Không gian xã hội” của các tộc người vùng Trường Sơn - Tây Nguyên luôn giàu đậm chất núi rừng. Một số nhà nghiên cứu gọi đó là “Văn hóa núi rừng”, “Văn hóa Cao nguyên” hay “Văn minh canh tác rẫy”...

Cũng như nhiều dân tộc ít người khác ở các vùng miền của đất nước, tự bao đời người Tây Nguyên đã “ăn rừng”, sống dựa vào rừng và cư trú tập trung trên vùng Cao Nguyên mà ở đó dường như còn nhiều miền đất hoang sơ, chưa có dấu chân người. Đông bào địa phương tin rằng, những cánh rừng thẳm, núi cao, rừng đầu nguồn là rừng thiêng, nơi ngự trị và là xứ sở của các vị thần linh cần phải được tôn kính, bảo vệ nghiêm ngặt.

Nhưng, do sự tàn phá của chiến tranh, chính sách khai hoang, phát triển kinh tế mới, cùng tác động của các luồng di dân,... đã làm biến đổi sâu sắc nhiều không gian rộng lớn của đất và người Tây Nguyên. Môi trường tự nhiên bị hủy hoại, đời sống văn hóa cũng bị tổn thương vì những mục tiêu, lợi ích kinh tế nhất thời. Trong bài viết này, chúng tôi cố gắng tập trung phân tích vai trò của rừng trong việc duy tồn, sáng tạo các giá trị văn hóa truyền thống của Tây Nguyên, đồng thời đề xuất một số giải pháp nhằm hướng đến mục tiêu phát triển xanh, bền vững cho Tây Nguyên, địa bàn trọng yếu của đất nước.

*Từ khóa:* Hệ sinh thái văn hóa rừng, làng rừng, phát triển bền vững vùng Tây Nguyên.

### 1. Hệ sinh thái rừng và không gian văn hóa - xã hội Tây Nguyên

Nằm tại trung tâm của Đông Nam Á, là vùng chuyển giao giữa hai thế giới: Biển (Thái Bình

Dương) và lục địa (bán đảo Đông Nam Á), Việt Nam là địa bàn hợp tụ của nhiều hệ sinh thái: Hệ sinh thái núi cao/hang động - Hệ sinh thái núi trung bình và thấp - Hệ sinh thái đồi gò - Hệ sinh thái châu thổ (đồng bằng) - Hệ sinh thái ven biển

\*Tác giả liên hệ.

Địa chỉ email: [nguyenvankimls@yahoo.com](mailto:nguyenvankimls@yahoo.com)

<https://doi.org/10.25073/2588-1116/vnupam.4179>

- Hệ sinh thái các đảo [1, tr.319-320; 2, tr.66]<sup>1</sup>. Mỗi hệ sinh thái đều có những đặc trưng riêng, có sự khác biệt so với các hệ sinh thái khác. Tương ứng với mỗi hệ sinh thái, trải qua thời gian, cộng đồng các dân tộc Việt Nam không chỉ thích nghi với môi trường sống mà hơn thế đã sáng tạo nên những không gian văn hóa - xã hội tiêu biểu, vừa đậm đà sắc thái địa phương (vùng, tiểu vùng) vừa hòa hợp, hòa luyện với những đặc tính chung của văn hoá dân tộc.

Trong số các hệ sinh thái ở Việt Nam, vùng Trường Sơn - Tây Nguyên, hay tiểu vùng Nam Trường Sơn, được đặc trưng bởi kiểu địa hình núi và cao nguyên với các thung lũng, đồng bằng giữa núi và kiểu khí hậu nhiệt đới gió mùa Cao Nguyên [3, tr.7, 89]. Do đặc điểm địa hình và khí hậu như vậy, Tây Nguyên là một trong những trung tâm có trữ lượng phong phú các loài thực vật, động vật hoang dã bậc nhất của Đông Nam Á và thế giới [3, tr.211-254]. Sinh tụ trong môi trường đó, cộng đồng các dân tộc vùng Trường Sơn - Tây Nguyên, trải bao đời đã tạo lập cho mình một lối sống thích ứng với sinh cảnh của tự nhiên. Họ đã dựa vào tự nhiên, khai thác tự nhiên để sinh tồn và cũng chính vì thế luôn bày tỏ sự ngưỡng vọng, biết ơn thế giới tự nhiên. Nói cách khác, chính tự nhiên đã quy định, là chiều tác động chủ yếu trong mối quan hệ tự nhiên - xã hội ở Tây Nguyên. Là những cộng đồng cư dân từng quen sống, hòa nhập với bạt ngàn, bao la của núi rừng, các tộc người Tây Nguyên tìm thấy trong tự nhiên nguồn sinh lực sống, sáng tạo văn hóa và cách thức ứng xử phù hợp với môi trường sống.

Vì thế, khi nghiên cứu về rừng, không gian sinh tồn chủ yếu của người Tây Nguyên, cần phải đặt đúng vị trí của nó như là một “*Hệ sinh thái rừng*” hoàn chỉnh. Theo đó, “*Hệ sinh thái rừng*” không chỉ bao gồm các loài cây rừng với thảm thực vật tự nhiên (điều mà chúng ta thường

ngĩ về rừng), mà còn bao gồm tất cả các loài sinh thể sống trong rừng, tức quần xã các loài sinh vật (con người, động vật, thực vật) và sinh cảnh (môi trường sống) của tất cả những thành tố đó.

Với người Tây Nguyên, cây rừng và hệ động vật sống trong rừng đều là những thành tố không tách rời khỏi “*Hệ sinh thái rừng*” và chúng đều có tầm quan trọng như nhau. Có thể hiểu, một khu rừng không có các loài cây tự nhiên và thú rừng (thú hoang) thì không thể là một khu rừng hoàn chỉnh theo đúng nghĩa một hệ sinh thái. *Như vậy, tất cả những yếu tố tự nhiên, xã hội và văn hóa của các cộng đồng cư dân sống trong môi trường sinh thái rừng đã dần hợp luyện, tạo nên Hệ sinh thái văn hóa rừng (Forestry ecocultural system). Trong hệ sinh thái đó, con người luôn hòa nhập với thế giới tự nhiên, vượt qua những trở ngại của tự nhiên để thích ứng, sáng tạo, phát triển nguồn lực tri thức, di sản văn hóa vật thể, phi vật thể đồng thời thể hiện những khát vọng, ước mơ truyền nối của nhiều thế hệ từng gắn bó với rừng và sống dựa vào rừng.*

Rừng vốn là cảnh quan phổ quát, bao trùm trên một không gian rộng lớn ở vùng Trường Sơn - Tây Nguyên. Trong tâm thức của các cộng đồng cư dân địa phương, từ xa xưa những cánh rừng bạt ngàn đều có chủ. Theo đó, “*rừng ấy, toàn bộ, từ ông bà xa xôi nhất truyền lại, từ những thời mờ mịt không còn nhớ được nữa, đã được Yang (Thần linh) giao cho những cộng đồng cư dân rất cụ thể, đó là các làng*”<sup>2</sup>. Rừng là sở hữu của các làng, từng làng, và điều này là thiêng liêng, vĩnh cửu” [4, tr.172].

Hiện nay có nhiều phương pháp phân loại tài nguyên khác nhau theo nguồn gốc, tính chất, trữ lượng, chất lượng, khả năng tái tạo. Sự phân loại tài nguyên chỉ có tính chất tương đối vì tính đa dạng của nó, đặc biệt là đa dạng trong mục đích

<sup>1</sup> Theo cách phân loại hiện nay, nước ta có 6 vùng kinh tế - xã hội gắn với các vùng kinh tế trọng điểm (KTTĐ): 1. Vùng Trung du và miền núi phía Bắc; 2. Vùng đồng bằng sông Hồng và vùng KTTĐ phía Bắc; 3. Vùng duyên hải miền Trung và vùng KTTĐ miền Trung; 4. Vùng Tây Nguyên; 5. Vùng Đông Nam Bộ và vùng KTTĐ phía Nam; 6. Vùng đồng bằng sông Cửu Long.

<sup>2</sup> Trong tiếng M'ông: *Boon* tức là làng, tiếng Êđê là *Buôn*, Gia Rai, Ba Na gọi là *Plei*, người Cơ Tu gọi là *Veil*... Trước đây, một số vùng ở Tây Nguyên có khái niệm *T'ring* dùng để chỉ mối quan hệ liên minh giữa một số làng. Trong bài viết này, chúng tôi sử dụng khái niệm *làng* hay *buôn làng* để chỉ chung cho những cộng đồng xã hội sống ở vùng Trường Sơn - Tây Nguyên.

sử dụng [2]. Theo sự phân lập của một số chuyên gia, rừng ở Tây Nguyên có thể chia thành bốn loại: *Thứ nhất*, rừng đã biến thành đất thổ cư, nơi người ta dựng buôn làng sống định cư, lâu dài; *Thứ hai*, rừng được dành để làm rẫy trong khoảng thời gian hai hay ba năm sau đó lại chuyển sang rẫy khác<sup>3</sup>; *Thứ ba*, rừng “sinh hoạt” nơi người ta có thể khai thác tài nguyên rừng để phục vụ cuộc sống; *Thứ tư*, rừng thiêng (hay rừng ma), nơi trú ngụ của thần linh, thường là rừng đầu nguồn, được “thiêng hóa” và được bảo vệ dưới những sắc màu tôn giáo. Có đủ bốn loại rừng ấy thì một buôn làng mới tồn tại được, mới thực sự là buôn làng.

Cũng như các làng ở châu thổ sông Hồng, sông Mekong... thường được gọi là: “*Làng lúa*”, hay các làng nghề thủ công: “*Làng gốm*”, “*Làng dệt*”...; các làng ở vùng duyên hải là: “*Làng chài*”, “*Làng biển*”, v.v... Trong bối cảnh đó có thể “định vị” các buôn làng ở Tây Nguyên là “*Làng rừng*”. Làng rừng là hạt nhân, tâm điểm của “*Hệ sinh thái văn hóa rừng*” ở Tây Nguyên. Nghiên cứu về làng và hệ sinh thái làng qua trường hợp người M’Nông Gar, học giả G. Condominas từng nhận định: “Đơn vị chính trị truyền thống tối cao là làng (*bboon*) tức là nhóm các gia đình tạo thành một khối dân cư trong một khoảng rừng (*brii*). Chính từ khoảng rừng này mà họ không chỉ lấy ra các nguyên liệu chủ yếu mà họ cần cho ăn mặc, nhà ở, sản xuất công cụ mà cả nguồn thực phẩm bằng việc bắt cá, săn bắn, hái rau rừng và trước hết là bằng trồng trọt” [5, tr.377]. Từ những nghiên cứu lý thuyết và khảo sát thực tế, chúng tôi cho rằng: *Làng rừng ở Tây Nguyên là một cộng đồng cư trú truyền thống của những lớp cư dân có chung đặc tính về nguồn gốc tộc người, văn hóa và ngôn ngữ. Làng rừng có nền tảng kinh tế chủ yếu dựa vào rừng, các thành viên trong cộng đồng làng luôn có ý thức chung, sâu sắc về nguồn lợi kinh tế, về*

*quyền khai thác, sử dụng, duy tồn và bảo vệ tài nguyên rừng, đất rừng, và nguồn nước.*

Cũng cần nói thêm là, quyền sở hữu với rừng, nguồn tài nguyên rừng, đất rừng và các vùng liên quan không phải thuộc về cá nhân mà luôn thuộc về toàn thể cộng đồng. Trong đó, già làng thường là đại diện chủ sở hữu. Rừng và đất rừng là nền tảng cho mọi sự phát triển của buôn làng Tây Nguyên. Khi nền tảng đó thay đổi thì toàn bộ cấu trúc kinh tế, xã hội và văn hóa của cộng đồng buôn làng cũng sẽ chịu tác động mạnh mẽ và phải thay đổi theo [4, tr.172-173].

Khi nghiên cứu văn hóa Tây Nguyên, một số học giả từng gọi đó là nền “*Văn hóa rừng*”, “*Văn minh thảo mộc*” hay “*Văn minh nương rẫy*”... [6, tr.32; 7, tr.15]. Điều đó phân nào cho thấy mối quan hệ tương hỗ, sự gắn bó mật thiết giữa đời sống của cộng đồng các dân tộc địa phương với môi trường tự nhiên rộng lớn xung quanh. Rừng là một thực thể *không - thời gian* che phủ, bao quanh toàn bộ đời sống vật chất, tinh thần của cộng đồng buôn làng. Nói như nhà Dân tộc học người Pháp G. Condominas, rừng luôn bao quanh toàn bộ “*không gian xã hội*” [5, tr.14-23] của người Tây Nguyên. Rừng là một *không gian thực* xác định (bên cạnh, xung quanh buôn làng), được ghi nhận bởi một hay một số dấu mốc nhất định như dòng suối, đỉnh núi, rặng cây... để phân định một “*đường biên*” giữa rừng của buôn làng này với rừng của buôn làng khác<sup>4</sup>. Đó là nơi con người khai thác các sản vật phục vụ cho đời sống của mình, là nơi sinh trưởng, cư trú của các động thực vật và trên nhất, cũng là nơi cư ngụ của *Yang* (tức các vị thần linh trong thế giới tâm linh của người Tây Nguyên). Nhưng, rừng cũng là một *không gian ảo*, nơi ông bà tổ tiên ngày xưa từng hay lui tới canh tác, nay tuy không còn nữa nhưng vẫn được kể lại cho con cháu qua các bài *sử thi (khan, hơ mon)*... Như vậy, “*Không gian và thời gian sinh thái rõ ràng là cơ sở của không*

<sup>3</sup> Trước đây, ở Tây Nguyên mỗi hộ gia đình thường tự khai phá cho mình 15-20 rẫy, canh tác theo chu trình. Phương thức canh tác đó nhìn chung không làm tổn hại rừng, đủ thời gian để rừng tái sinh trong một chu trình canh tác mới.

<sup>4</sup> Tác giả Nguyễn Ngọc cũng cho rằng, người Tây Nguyên có 4 loại rừng (rừng đã biến thành nơi cư trú, tức làng; rừng đã biến thành rẫy; rừng sinh hoạt; rừng ma và rừng thiêng).

Tương ứng với mỗi loại rừng, mối quan hệ giữa Con người với rừng, văn hóa với tự nhiên có những biểu hiện khác nhau, nhưng nhìn chung, Tự nhiên thường thắng thế, có khuynh hướng chiếm hữu trở lại cái văn hóa. Không gian văn hóa - xã hội của người Tây Nguyên cũng chính là không gian của 4 loại rừng này [8].

gian xã hội: Không gian sinh thái cung cấp nguồn tài nguyên cần thiết cho đời sống và bản thân sự tồn tại của nhóm người, thời gian sinh thái thì thúc đẩy đời sống theo nhịp điệu của các mùa” [5, tr.22]. Cả không gian thực và không gian ảo đó đều là những bộ phận của không gian xã hội Tây Nguyên, nơi con người có thể trực tiếp đi đến (không gian tri giác được) hoặc gián tiếp đi đến thông qua các giấc mơ, các buổi tế lễ (không gian huyền thoại)...

Rừng cũng còn là một khái niệm về *thời gian*. Nhiều tộc người Tây Nguyên có thói quen xác định thời gian bằng một biến đổi lớn diễn ra theo vòng luân chuyển của thế giới tự nhiên. Do tập quán *luân canh* (*luân khoảnh* không phải *du canh*), người Tây Nguyên thường cư trú (chòi rẫy), trồng trọt trên một mảnh rừng nào đó trong khoảng thời gian từ 2 đến 3 năm rồi sau đó lại di chuyển địa bàn canh tác đến một cánh rừng khác. Như vậy, địa bàn canh tác có thể thay đổi nhưng trục trung tâm là buôn làng luôn giữ thế ổn định khá cao ở Tây Nguyên. Cứ như vậy, người ta đã “*ăn rừng*” (theo cách gọi của người M’Nông Gar) trong suốt chu trình của một vòng đời và cứ như thế tiếp nối qua nhiều thế hệ. Luân chuyển cùng với vòng xoay của thế giới tự nhiên, sau vài chu kỳ nông nghiệp, họ lại trở về với mảnh rừng đã canh tác ban đầu. Lúc này, những cánh rừng nhiều năm trước đây đã được tốc độ sinh trưởng cao của “Hệ sinh thái phổ tạp nhiệt đới” (*General ecosystem*) che phủ. Ý niệm về thời gian của một số tộc người địa phương luôn mang tính ước lệ. Người ta thường lấy mùa rẫy, mùa hoa *epang* nở, mùa mưa tới... hay những cánh rừng bị chặt hạ, đốt cây làm rẫy để đặt tên năm và tính một chu trình làm rẫy mà con người cần phải có suy nghĩ, hành động phù hợp. Trong tác phẩm: “Chúng tôi đã ăn rừng Đá Thân Gô” học giả

G.Condominas đã thể hiện rõ cách mà người M’Nông Gar ở Sar Luk (Đăk Nông) chỉ năm 1949, hay chính xác hơn là *năm trông trọt* kéo dài từ tháng 11 năm 1948 đến tháng 12 năm 1949 [9, tr.11-12]<sup>5</sup>. Với lối tư duy như vậy, thời gian mang ý nghĩa “vật chất” chứ không còn là một khái niệm trừu tượng nữa. Theo đó, trong dải thời gian tương như dải, vô tận đó có những tiêu điểm vật chất được xác định khá chính xác, cụ thể.

Rừng là nơi *khởi nguyên* cho sự sống của người Tây Nguyên. Hầu như mọi nguồn sống thiết yếu người ta đều khai thác từ rừng, từ gỗ làm nhà, củ tranh lợn mái, cho đến các loại rau, củ, quả, cây thuốc chữa bệnh, thịt các loại thú rừng... đều nhờ cây vào sự chu cấp của Mẹ tự nhiên. Các *bến nước*, không gian hết sức quan trọng và thiêng liêng đối với người Tây Nguyên, vốn cũng bắt nguồn từ các mạch nước ngầm được rừng giữ lại trong lòng đất. Tại mỗi bến nước, khu rừng xung quanh được giữ gìn nghiêm ngặt nhằm bảo vệ nguồn nước ngầm. Rừng cũng là cái tự nhiên mà con người đã “vay mượn” một phần để dựng *làng*, trung tâm của đời sống văn hóa - xã hội của người Tây Nguyên, và cũng là nơi người ta phát cây, chặt cành, đốt cây để *tría rẫy*, gieo trồng các loại cây lương thực (lúa cạn, bắp) nuôi dưỡng cộng đồng. Như vậy, trên cái khung tự nhiên (rừng) ấy, toàn bộ đời sống vật chất của người Tây Nguyên được kiến tạo nên và nương nhờ vào đây<sup>6</sup>.

Trong tâm thức của người Tây Nguyên, con người sinh ra từ núi rừng và rừng cũng là nơi *kết thúc* một chu trình của một vòng đời. Nghĩa địa, nơi chôn cất người chết, thường được đặt ở khu rừng phía tây làng (phía mặt trời lặn) và là nơi linh thiêng (*rừng ma*) mà người ta ít khi lai vãng đến, trừ những dịp đặc biệt như *lễ bỏ má*. Theo

<sup>5</sup> Tương tự như vậy, người Tây Nguyên truyền thống không có khái niệm về “tuổi” giống như người Kinh. Khi được hỏi về tuổi, người Tây Nguyên sẽ trả lời rằng anh/chị ta đã trải qua *bao nhiêu mùa rẫy*, tức lấy một khái niệm không gian (*rẫy*) và thời gian (thu hoạch) để chỉ một khái niệm thời gian (*tuổi*).

<sup>6</sup> Trong mối quan hệ rừng (tự nhiên) - Làng/rẫy (văn hóa), thì rừng luôn chiếm ưu thế, luôn có khuynh hướng chiếm hữu. Người Tây Nguyên phát rừng để lấy đất dựng làng, làm rẫy (văn hóa hóa tự nhiên), nhưng bao giờ cũng chỉ khai

thác ở đúng mức cần thiết, không chặt phá rừng bừa bãi. Trên rẫy, người ta có ý thức giữ lại các gốc cây to nhằm hạn chế tình trạng xói mòn đất, vốn là một hiện tượng rất thường xảy ra trên các triền đồi dốc ở Tây Nguyên vào mùa mưa. Sau vài năm canh tác, dân làng di chuyển đến một mảnh rừng khác, trả lại mảnh đất ban đầu cho rừng mà không lâu sau, cây cối sẽ mọc trở lại um tùm. Rừng sẽ mau chóng phủ xanh và giành lại mảnh đất vốn từng là làng/rẫy của cộng đồng (tự nhiên hóa văn hóa).

quan niệm của người Tây Nguyên, sau khi chết, hồn người (*m'ngát*) sẽ nán lại nghĩa trang một thời gian, rồi sau đó mới về hẳn thế giới của ông bà (*mang lung*, cửa tối). Tại *mang lung*, hồn vẫn tiếp tục sống, lao động cùng các hồn khác, để rồi sau khi chết một lần nữa, hồn sẽ hóa thành giọt sương và nhập vào một đứa trẻ mới sinh để tiếp tục chu trình sống mới. Vì vậy, thời gian đầu sau khi chôn cất người chết, gia đình vẫn mang thức ăn, đồ dùng ra mộ để nuôi linh hồn. Chỉ sau khi làm lễ bỏ mả (*bothi*), linh hồn về hẳn *mang lung*, lúc đó mọi liên hệ giữa người sống và người chết mới hoàn toàn chấm dứt. Người sống sẽ không chăm sóc mộ mả nữa mà trả nó về lại với rừng, với thế giới tự nhiên, với ông bà tổ tiên [10, tr.41-45; 11, tr.531].

Như vậy, sự sống khởi phát từ rừng và cũng là nơi mà nó sẽ quay về, tạo thành một chu trình khép kín trong quan niệm của người Tây Nguyên về mối quan hệ giữa con người với tự nhiên: *Con người là một phần của tự nhiên*, hòa vào tự nhiên để tồn tại, chứ không phải là một cái gì đó bên ngoài, đối lập, một thứ “Chúa tể” của tự nhiên. Cho nên, khi nghiên cứu về văn hóa, xã hội người Giarai, J. Dournes đã có một nhận xét rất xác đáng rằng: “Con người ấy bị vây bọc bởi rừng, từ khi chưa là con người... cho đến khi không còn là con người nữa. Như vậy, rừng không chỉ là không gian, rừng còn là thời gian. Rừng là sự vĩnh hằng, là cõi vô cùng, là sự không thủy không chung, nơi hun hút từ đó con người đi ra và nơi hun hút con người lại biến mất vào đó, biệt vô tăm tích. Là bản nguyên, là cội nguồn ở đầu bên này, nhưng cũng là cội mịt mù thăm thẳm ở đầu bên kia... Con người không bao giờ có thể thoát ra được khỏi rừng, cũng như không bao giờ có thể bức ra khỏi vòng tuần hoàn bí ẩn muôn thuở, bức ra khỏi cái hoang dã; luôn bị cái hoang dã ấy vây kín, cuốn hút...” [7, tr.4].

Sống dựa vào rừng, tâm thức đó khiến người Tây Nguyên luôn coi rừng như một phần hết sức quan trọng, hữu cơ của đời sống và *thiên hóa* rừng như những vị thần (*Yang*) có quyền lực định đoạt số phận của cá nhân, cộng đồng. Rừng là

nơi các *Yang* cư ngụ, là *ngoại giới/tự nhiên* (để phân biệt với làng, *nội giới/văn hóa*), nơi ẩn chứa những sinh vật siêu nhiên mà con người bình thường không thể đến gần hay xúc phạm. Với người Tây Nguyên, vạn vật đều có linh hồn. Hệ sinh thái trong khu rừng nhiệt đới phong phú, đa dạng thế nào thì cũng được phản ánh trong thế giới tâm linh của người Tây Nguyên phong phú, đa dạng như vậy. Người Tây Nguyên khi chặt một cái cây về làm gỗ, dựng nhà đều phải làm lễ xin thần linh và tạ lỗi với cây vì đã làm tổn thương rừng, phung hại đến cây. Condominas và Dournes đều nhận xét rằng, ngay con thú trong rừng cũng vậy, trong điều kiện bình thường, không bao giờ săn mỗi quá nhu cầu thiết yếu của nó. Đó là quy luật “đạo đức” tự nhiên của tự nhiên. Người có văn hóa rừng, được rừng dạy bảo, đều biết tuân theo quy luật đạo đức ấy, họ luôn khắc sâu trong tâm khảm và thực hiện theo đúng những chuẩn mực đó của tự nhiên [4].

Với người Tây Nguyên, thế giới thần linh luôn hiện hữu phong phú, đa dạng. Họ thờ phụng cả một hệ thống các *Yang*: *Yang Đăk* (Thần Nước), *Yang Kông* (Thần Núi), *Yang Long* (Thần Cây), *Bok Kla* (Ông Cọp), *Bok Roih* (Ông Voi), *Bok Mrit* (Ông Cóc), *Yang Kotop* (Thần Chim Bò câu), *Yang Kone Ksor* (Thần Chuột rừng)...[12, tr.30-93; 13]. Trong thế giới vạn vật hữu linh ấy, chính các *Yang* đã dạy cho con người cách thức ứng xử với xã hội, tự nhiên, thiết lập nên các chuẩn mực mà con người phải có trách nhiệm tuân theo, gìn giữ những phép tắc đó một cách nghiêm cẩn từ đời này sang đời khác. Nếu con người, dù vô tình hay hữu ý, xúc phạm đến *Yang*, thì bản thân người đó và cộng đồng sẽ bị *Yang* trừng phạt (biểu hiện bằng bệnh tật, cái chết, thiên tai, dịch bệnh...). Sử thi các dân tộc thiểu số vùng Tây Nguyên có nhiều câu chuyện về việc con người dám phá bỏ luật tục, xâm phạm những điều cấm kỵ, đối chọi với ý chí của thần linh, xúc phạm *Yang* và tất cả đều dẫn đến sự trừng phạt nghiêm khắc<sup>7</sup>.

Chính vì tầm quan trọng của rừng, cả về đời sống vật chất cũng như đời sống tinh thần, mà

<sup>7</sup> Trong Sử thi *Đăm Săn*, vì chống lại mệnh trời, Đăm Săn chặt cây thần *smuk*, cây tổ tiên, cây linh hồn và đã bị trừng

phạt bởi cái chết của hai người vợ anh ta là H'Nhi và H'Bhi.

cộng đồng các dân tộc Tây Nguyên đặt ra nhiều quy định nhằm bảo vệ rừng khỏi bị tàn phá, xâm chiếm. Như đã trình bày, rừng không đơn thuần là một nguồn tài nguyên phục vụ đời sống vật chất của con người, mà rừng còn là một thực thể mang đậm tính tâm linh, gắn bó chặt chẽ với quan niệm về quyền sở hữu đất đai truyền thống của người Tây Nguyên. Mỗi cộng đồng có một không gian rừng riêng và chỉ dành riêng cho các thành viên thuộc cộng đồng đó. Mọi hành vi xâm phạm đến từ bên ngoài không chỉ mang tính cướp đoạt các nguồn tài nguyên mà còn là sự xúc phạm đến danh dự, tín ngưỡng của cộng đồng sở hữu, và trong trường hợp đó thường dẫn đến những phản ứng mạnh mẽ.

Luật tục Êđê quan niệm: “Đất đai, sông suối, cây rừng (là) cái nong, cái nia, cái lung của ông bà. Ông (bà) là người giữ cái hang, trông coi rừng, trông coi cây *ktong*, cây *kdjar*...” [14, tr.410]. Để tránh việc rừng bị lấn chiếm, người chủ đất (*pôlăn*) có trách nhiệm định kỳ đi kiểm tra các ranh giới khu rừng của cộng đồng: “Cứ bảy năm một lần, vào mùa khô mới, theo tục lệ (người chủ đất) phải đi thăm đất đai, rừng núi của mình. Vì họ là kẻ giữ hang, là người trông nom rừng núi, là người trông cây coi *ktong*, cây *kdjar*...” [15, tr.414]. Tội xâm chiếm đất đai bị quan niệm là một tội nặng và cần phải bị trừng phạt: “Đất đai hấn chiếm, sông suối hấn đoạt; đất đai của tù trưởng nhà giàu, hấn giành lấy. Rừng cây, hấn chiếm lấy; đất đai hấn choán; rừng tê giác, rừng voi, hấn cũng lấn chiếm. Hấn là kẻ to gan lớn mật, dám vượt cả núi cao. Như vậy có việc phải xét xử giữa người ta với hấn” [14, tr.413].

Đối với người trong cộng đồng, tuy rừng là tài nguyên chung nhưng cũng có những quy tắc nhất định (một số loài cây, sản vật chỉ dành cho chủ đất, thành viên trong buôn làng không được khai thác) hoặc luật tục luôn nhắc nhở việc làm rẫy, đốt lửa phải cẩn trọng, tránh gây cháy rừng. “Ai có con thì phải dạy con, có cháu thì phải dạy cháu, kéo có khi đi hái củi mà không biết đi, đi suối lấy nước mà không biết đi. E rằng họ sẽ đốt đuốc cầm theo. E rằng đi rẫy lo việc nương rẫy mà không biết đi, cầm theo những đầu đày còn

cháy dở có thể hủy diệt cả rừng. Lửa sẽ bén vào rừng thiêu trụi cỏ cây, mọi vật” [14, tr.278-279].

Tương tự như vậy, ở người M'ông cũng có những quy định về việc quản lý, bảo vệ rừng: “Quản lý đất, quản lý rừng; Quản lý nước, quản lý suối; Quản lý ao cá, quản lý khu rẫy; Tổ tiên chết, con cháu kế thừa; Ông bà chết, cha mẹ kế thừa; Cha mẹ chết, con cháu kế thừa...” [15, tr.524]. Những người tự tiện chặt phá cây trong rừng mà không xin phép buôn làng sẽ bị ghép tội: “Có thịt mà ăn lén với chị; Có thịt mà ăn lén với mẹ; Chặt cây mà chặt lén với buôn làng; Ăn cắp cây trong rừng là có tội” [15, tr.546].

Các quy định của luật tục tuy sơ giản nhưng lại có sức răn đe lớn. Hầu như ít người dám vi phạm những nguyên tắc đó, ngoài lý do sợ bị phạt vạ, thì bảo vệ rừng cũng chính là bảo vệ nguồn sống, mạch nguồn văn hóa Tây Nguyên, bảo vệ những giá trị nguồn cội mà họ tự nhận mình là *Phii Brêe* (Những người con của rừng). Chúng tôi sẽ trở lại vấn đề này khi bàn về việc bảo tồn những cánh rừng nguyên sinh, rừng tái sinh và rừng trồng ở Tây Nguyên trong các công trình nghiên cứu tổng quan về rừng và xa rộng hơn, cùng với việc tiếp tục thực hiện những nghiên cứu về Hải sử (*Maritime history*) là xác định và đi sâu nghiên cứu về “Lâm sử” (*Forestry history*).

## 2. Biến đổi hệ sinh thái rừng và không gian văn hóa - xã hội Tây Nguyên

Đối với Việt Nam, rừng là một trong những loại tài nguyên thiên nhiên quan trọng và quý giá hàng đầu. Rừng không chỉ sản sinh ra nguồn của cải mà còn có khả năng tái sinh nhiều nguồn của cải ấy. Quan niệm về “Rừng vàng, biển bạc” hình thành từ đây. Tính đến cuối năm 2012, toàn vùng Tây Nguyên còn khoảng 2.806 triệu ha rừng, trong đó diện tự nhiên khoảng 2.594 triệu ha (chiếm 47,4% diện tích tự nhiên và 92,4% diện tích có rừng), diện tích rừng trồng khoảng 212.000 ha (chiếm 7,6% diện tích rừng). Độ che phủ của thảm thực vật chỉ còn 50,7%. Rừng Tây Nguyên có giá trị đặc biệt bởi sinh khối lớn và hệ động thực vật phong phú. Theo nhà nghiên

cứu Đặng Huy Huỳnh và các cộng sự, loài thực vật bậc cao có mạch trong hệ sinh thái rừng Tây Nguyên lên đến 4.500 loài, có tới 700 loài cây cho gỗ, 1.000 cây làm thuốc, 250 loài thuộc họ phong lan, 300 loài cây trồng nông nghiệp và

công nghiệp [4, tr.94-97]. Tuy nhiên, thực tế quản lý, khai thác, sử dụng và bảo vệ rừng hiện đang đặt ra rất nhiều bất cập khiến diện tích rừng có chiều hướng giảm mạnh vượt quá khả năng hồi phục của rừng.

Bảng 1. Hiện trạng rừng Tây Nguyên 1999-2015 (Đơn vị: ha)

	1999		2005		2010		2015	
	Rừng tự nhiên	Rừng trồng	Rừng tự nhiên	Rừng trồng	Rừng tự nhiên	Rừng trồng	Rừng tự nhiên	Rừng trồng
Kon								
Tum	602.530	9.959	597.662	31.600	612.225	41.838	546.914	70.960
Gia Lai	728.372	14.300	727.036	34.811	673.541	46.272	555.718	71.295
Đắk Lắk	1.008.265	9.690	585.939	18.354	567.584	42.635	472.180	54.354
Đắk Nông	-	-	360.163	10.232	261.713	27.100	218.127	40.326
Lâm Đồng	591.210	27.327	557.857	49.423	538.557	62.651	453.129	78.966
<b>Tổng</b>	<b>2.903.377</b>	<b>61.276</b>	<b>2.828.657</b>	<b>144.420</b>	<b>2.653.620</b>	<b>220.496</b>	<b>2.246.068</b>	<b>315.901</b>

Nguồn: Công bố hiện trạng rừng các năm của Bộ Nông nghiệp và PTNT

Căn cứ vào bảng số liệu trên ta thấy, trong vòng hơn 15 năm (1999-2000), diện tích rừng tự nhiên ở Tây Nguyên đã giảm 657.309 ha (-22%), bình quân mỗi năm giảm hơn 41.000 ha. Nếu so với diện tích 4 triệu ha rừng vào năm 1975 thì diện tích rừng tự nhiên ở Tây Nguyên đã mất đi là hơn 43%, một con số rất lớn. Điều đó khiến Việt Nam và Tây Nguyên là một trong những khu vực có diện tích rừng bị suy giảm nhanh nhất ở Đông Nam Á [16, tr.3].

Việc mất rừng một cách nhanh chóng như vậy đồng nghĩa với chất lượng rừng và mức độ che phủ cũng bị suy giảm. Tỷ lệ diện tích rừng gỗ loại giàu chỉ còn 10,4%, loại trung bình còn 22,7%, còn lại là loại nghèo kiệt (67%). Các giống thú và thảo dược quý hiếm (hồ, báo, tê tê, sâm Ngọc Linh...) ngày càng trở nên ít ỏi hoặc thậm chí có loài đã tuyệt chủng hay gần như tuyệt chủng trong môi trường tự nhiên (ví như tê giác, con min...). Độ che phủ của thảm thực vật cũng giảm từ 67% (1976) xuống còn 61% (1990) và 46,08% (2015) [4, tr.340-341]. Theo đánh giá của các chuyên gia, tỷ lệ rừng gỗ loại giàu ở Tây Nguyên chỉ còn 10,4%; loại trung bình là 22,7%, còn lại 67% là loại nghèo kiệt. Các loại gỗ quý, hệ động vật tự nhiên, thảo dược có giá trị cao chỉ

còn rất hiếm hoặc đã bị tuyệt diệt. Trong vòng 3 thập niên, Tây Nguyên bị mất hơn 1,5 triệu ha rừng, chiếm khoảng 41% diện tích rừng [17]. Cùng với những hủy hoại, tàn phá do “Chiến tranh Việt Nam”, trong suốt những thập niên 1970-1990, chủ trương đưa dân di cư vào Tây Nguyên làm kinh tế mới cùng dòng di cư tự do từ các nơi lên Tây Nguyên; sự chuyển đổi mục đích sử dụng đất (hy sinh đất rừng cho các công trình phát triển kinh tế - xã hội, trồng cây công nghiệp...); nạn khai thác rừng bất hợp pháp cũng như tình trạng buông lỏng quản lý các cấp chính quyền... là những nguyên nhân chính yếu dẫn đến sự suy giảm diện tích và chất lượng rừng tự nhiên. Thời gian qua, mặc dù đã có chủ trương đóng cửa rừng của Chính phủ nhưng nạn “chảy máu rừng” vẫn tiếp tục diễn ra và cho đến nay tình trạng đó vẫn chưa được ngăn chặn triệt để.

Tương phản với sự suy giảm của diện tích rừng tự nhiên, thực hiện chủ trương chung, trong những năm qua diện tích rừng trồng lại có chiều hướng tăng lên hằng năm. Từ 1999-2015, diện tích rừng trồng đã tăng gấp hơn 5 lần. Đặc biệt, trong những năm 1997-2011, Chính phủ đã chủ trương thực hiện chương trình trồng mới 5 triệu ha rừng (dự án 661), góp phần nâng cao tỷ lệ che



phủ rừng ở Tây Nguyên. Năm 2016, diện tích rừng cả nước tiếp tục tăng 315.826 ha, độ che phủ rừng tăng 0,35% so với năm 2015. Trong khi đó, diện tích rừng Tây Nguyên tiếp tục giảm 3.170 ha so với năm 2015. Tình trạng phá rừng trái pháp luật tại một số địa phương, đặc biệt việc phá rừng tự nhiên để lấy gỗ và lấn chiếm quy hoạch lâm nghiệp vẫn diễn ra nhưng chậm được ngăn chặn và xử lý. Bên cạnh đó, nhiều địa phương đã cho phép chuyển mục đích sử dụng rừng với diện tích lớn mà không được đánh giá tác động, kiểm soát chặt chẽ. Trong vòng 5 năm (2010-2014), rừng Tây Nguyên bị giảm tới hơn 300.000 ha, độ che phủ của rừng giảm còn 48,5%. Ở một số địa phương, việc chuyển mục đích sử dụng rừng chưa tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật. Hiểm họa mất rừng Tây Nguyên ngày càng cao<sup>8</sup>.

Tuy rừng trồng cũng có một số mặt tích cực (phủ xanh đất trống đồi trọc, làm nguyên liệu cho các ngành công nghiệp, tạo thêm sinh kế cho người dân sống nhờ nghề rừng...), nhưng xét về mặt sinh thái, rừng trồng lại không thể so sánh được với rừng tự nhiên<sup>9</sup>. Sự suy giảm của hệ sinh thái rừng, đặc biệt là rừng tự nhiên Tây Nguyên, đã gây ra nhiều hệ lụy đối với đời sống văn hóa - xã hội của các tộc người tại đây. Hệ quả là, cư dân nhiều buôn làng nay trở nên khá giả nhưng đời sống văn hóa thì lại nghèo nàn, đơn điệu. Do sức hút từ những nguồn lợi của cây công nghiệp nên nhiều nơi, người ta không canh tác lúa nữa nên chuỗi nghi lễ nông nghiệp vì thế cũng bị mất đi. Lễ cầu mưa trước khi ra hạt, lễ mừng lúa trổ đòng, lễ mừng lúa lên bông, lễ mừng vụ mùa kết thúc, lễ cúng cơm mới... không còn là lễ trọng ở nhiều địa phương thậm chí đã bị quên lãng. Cùng

với đó, tâm lý biết ơn thần linh, yêu thương nguồn cội, núi rừng, nương rẫy, ý thức tuân thủ luật tục, nguồn lực tri thức bản địa ở nhiều cộng đồng cũng không còn nữa. Do cùng trồng cây công nghiệp, cùng tham gia vào hệ thống dây chuyền công nghiệp nên cấu trúc buôn làng, nhịp sống, nếp sống, cách nghĩ... của nhiều cộng đồng cư dân truyền thống với những người mới di cư đến cũng không có nhiều khác biệt. Trong sinh cảnh đó, không ít người chỉ chăm lo nguồn thu nhập thiết hơn của mỗi vụ cà phê, hồ tiêu,... và hướng sâu về lòng đất, tìm kiếm nguồn nước ngầm để tưới cho các đồi cây công nghiệp!

*Kết cấu buôn làng truyền thống của các tộc người Tây Nguyên bị tác động nghiêm trọng*, đây là điều chưa từng xảy ra trong quá khứ. Suốt 30 năm chiến tranh khốc liệt (1945-1975), mặc dù đất và người Tây Nguyên phải chịu nhiều sự tàn phá dữ dội của đạn bom và chất độc hóa học nhưng hầu như kết cấu làng của người Tây Nguyên vẫn được bảo tồn tương đối nguyên vẹn. Thậm chí, cho đến cuối thập niên 1970, người ta vẫn thấy những buôn làng cổ truyền với những đặc điểm rất điển hình của người Tây Nguyên<sup>10</sup>. Sau khi đất nước thống nhất, nhiều chủ trương, chính sách nhằm thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ an ninh, bảo tồn văn hóa Tây Nguyên đã được thực hiện. Thành tựu đạt được là rất quan trọng nhưng đằng sau những thành tựu đó cũng bộc lộ không ít những hệ quả trước mắt, sâu xa.

Hiện tượng di dân ồ ạt của người dân từ các nơi khác đến Tây Nguyên đã làm đảo lộn cấu trúc dân số tại chỗ, biến các tộc người Tây Nguyên trở thành dân tộc thiểu số ngay trên chính quê hương của mình. Gia tăng dân số đã

<sup>8</sup> Trong số các nguyên nhân dẫn đến tình trạng “Cháy máu rừng” Tây Nguyên thì việc chuyển đổi mục đích sử dụng rừng và phá rừng là 2 nguyên nhân chính. Cụ thể, việc chuyển đổi đất rừng “nghèo kiệt” sang trồng cây cao su, cây công nghiệp, cây ăn quả chiếm 111.000 ha, chiếm hơn 40%; chuyển đất rừng sang các mục đích khác theo quy hoạch của địa phương (xây thủy điện, hạ tầng giao thông...) là 37.000 ha, chiếm 13,8%. Còn lại là phá rừng, lấn chiếm đất rừng để canh tác, sản xuất nông nghiệp là 122.900 ha, chiếm 45% [18].

<sup>9</sup> Rừng trồng chủ yếu gồm các loại cây rễ cọc, một tầng lá (rừng cao su, rừng bạch đàn...), không có tác dụng giữ nước

ngâm trong lòng đất như rừng tự nhiên. Vì vậy, rừng trồng hầu như không có vai trò gì trong việc bảo vệ nguồn nước ngầm cũng như hạn chế tác hại của lũ lụt gây ra đối với Tây Nguyên và các tỉnh ven biển miền Trung. Và chẳng, rừng trồng giống như một thứ “*fake-forest*”, nơi các loài thú hoang khó có thể tìm được nơi ẩn nấp và các loại thức ăn và vì thế chúng hầu như không bao giờ cư trú.

<sup>10</sup> Các đặc điểm điển hình của một buôn làng Tây Nguyên đó là: 1. Một đơn vị cộng cư thống nhất; 2. Một cộng đồng sở hữu về lãnh thổ xác định; 3. Một đơn vị xã hội hoàn chỉnh, vận hành theo lối tự quản/tự trị; 4. Mỗi làng có tính biệt lập tương đối [19, tr.554-555].

và đang gây sức ép nặng nề lên toàn bộ không gian kinh tế, xã hội và văn hóa của Tây Nguyên. Va chạm, xung đột lợi ích nhiều mặt giữa người di cư và người dân tại chỗ vì thế cũng trở thành những vấn đề bức thiết của xã hội<sup>11</sup>. Trong bối cảnh đó, buôn làng Tây Nguyên cũng bị “thu hẹp” không chỉ về diện tích, vị trí mà còn cả thiết chế tự quản (già làng/hội đồng già làng) nữa. Mô hình làng truyền thống dựa trên thế bố trí các loại rừng cũng bị xáo trộn vì chủ trương thành lập các nông lâm trường quốc doanh, đặt toàn bộ đất rừng ở Tây Nguyên dưới sự quản lý của các tập đoàn nhà nước... Buôn làng là hạt nhân, là trung tâm trong không gian xã hội, thực hành văn hóa của người Tây Nguyên bị xáo trộn. Vì thế, một khi kết cấu buôn làng truyền thống bị biến đổi từ chính những thành tố kiến tạo nên nó thì tất yếu sẽ dẫn đến những rạn vỡ về xã hội và văn hóa.

*Văn hóa rừng Tây Nguyên bị suy thoái.* Hiện nay, khi đến các tỉnh Tây Nguyên, không khó để bắt gặp các hiện tượng “fake-folklore” mà đời sống hiện đại vừa khiên cưỡng vừa vụng về sao chép những nét (tinh hoa) văn hóa rừng truyền thống: Nhà rông mái tôn (vì không còn cỏ tranh để lợp mái), tượng nhà mồ làm bằng xi măng (vì thiếu gỗ để đẽo tượng và cũng vì nhu cầu sản xuất hàng loạt theo khuôn mẫu nhất định), bển nước hóa công viên (không còn là nơi người ta đến đón nước, nhận nước, chịu ơn Thần Nước), *Yang Xori* (Thần Lúa) cũng dần bị hóa giải tính thiêng. Người ta có thể bán cả phê, hồ tiêu... để mua gạo từ miền xuôi và các nguồn thực phẩm công nghiệp mà không tha thiết với nghề nông truyền thống. Các nét đặc sắc của văn hóa cô truyền như: “*Nhà dài như một tiếng chiêng ngân*”, tục đâm trâu, các bài chiêng và các bộ chiêng, ché cổ,... đã có phần bị mai một, thất tán [21, tr.45-59]. Ở đây, có thể thấy rõ quan điểm và cách thức ghi nhận, đánh giá những giá trị độc đáo của cộng đồng Tây Nguyên là “Di sản kiệt tác truyền khẩu và phi vật thể của nhân loại” được đặt trong không gian sáng tạo và diễn

xướng của núi rừng - làng rừng Tây Nguyên. Đó là hồn phách, âm thanh vang vọng từ núi rừng. Mỗi đợt chiêng ngân, mỗi lời kể *khan* không chỉ con người mà thế giới tự nhiên muôn loài đều thụ hưởng. Dầu vậy, trước những tác động đa chiều của đời sống “hiện đại” nhiều bộ chiêng quý vẫn bị đưa ra khỏi nhà dài, nhà rông; nhiều nghệ nhân thuộc các bài *khan* cổ và có thể hát kể nhiều bài *khan*, hát dân ca, dân vũ... cũng đã cao tuổi. Không ít người vì tuổi cao, sức yếu đã theo *Yang* về với tổ tiên với những cánh rừng thiêng. Họ đã đem theo bao di sản quý giá được truyền nối qua nhiều thế hệ và những di sản đó là một đi không trở lại!

Trước những biến động của văn hóa Tây Nguyên, nhiều nhà nghiên cứu đã lên tiếng cảnh báo nguy cơ của việc tách rời các hiện vật văn hóa khỏi không gian diễn xướng của nó. Nếu như vậy thì người ta, dù có cố gắng bao nhiêu, cũng chỉ duy trì được “phần xác” chứ không còn giữ được “phần hồn”, tức những giá trị cốt lõi, thấm sâu trong mỗi di sản văn hóa. Và khi đó, văn hóa có thể bị biến thành một thứ “Văn hóa trình diễn” hay thậm chí là thứ “Văn hóa giả tạo” tức là chỉ có thể phô diễn ra bên ngoài những dáng nét nào đó của văn hóa truyền thống mà không thể, hay không đủ năng lực thể hiện, những hồn cốt bên trong của mỗi di sản văn hóa [22, tr.488-532; 23, tr.137-184]. Do bị tác động nhiều phía nên văn hóa bị suy thoái và phần nào đó đã mất đi ký ức của các cộng đồng dân tộc. Trên thực tế, Tây Nguyên phải đối diện với những khoảng trống về tâm linh, xã hội và văn hóa. Điều đó lý giải vì sao đây chính là địa bàn có mức độ thâm nhập cao nhất trên cả nước bởi đạo Tin Lành và một số hiện tượng tôn giáo mới, tôn giáo lạ. Một khi những giá trị tảng nền bị rung chuyển, văn hóa truyền thống bị suy thoái, tất yếu con người có nhu cầu tìm kiếm sự thay thế, chỗ dựa về tâm linh, văn hóa... Tại nhiều buôn làng, vai trò của các mục sư, linh mục dần nổi lên lấn lướt vai trò của già làng. Điều đó cũng đồng nghĩa với việc

<sup>11</sup> Năm 1960 dân số Tây Nguyên khoảng 600.000 người, năm 1975 tăng lên 1.225.914 người, năm 1985 tăng lên 2.013.900 người. Riêng tỉnh Đắk Lắk năm 1943: 80.000 người, năm 1976: 350.000 người, năm 1995 tăng lên 1.300.000 người [20]. Theo khảo sát, năm 0 (Công

nguyên) diện tích bình quân theo đầu người trên thế giới là 75 ha/người, năm 1987 chỉ còn 3.0 ha/người, năm 2010 con số này đã giảm xuống còn 1.88 ha/người [2, tr.27].

“Yang Jesu” dần thay thế các Yang truyền thống trong tâm thức của nhiều nhóm người người Tây Nguyên... Văn hóa cổ truyền suy thoái khiến một bộ phận lớp người Tây Nguyên trẻ tuổi, chủ nhân tương lai của đất nước, trở nên thờ ơ, xa lạ với các giá trị truyền thống [24, tr.271-272]. Trong số các nguyên nhân, then chốt vẫn là do tình trạng mất đất, mất rừng ở Tây Nguyên. Nhiều người không còn gắn bó với môi trường sống, hệ sinh thái văn hóa của mình nữa. Một bộ phận trong cấu trúc văn hóa truyền thống Tây Nguyên có khuynh hướng bứt ra khỏi mô thức cổ xưa để hướng đến những khuynh hướng văn hóa mới, cách tân và hội nhập.

### 3. Một số kiến nghị, giải pháp phát triển bền vững Tây Nguyên

Ưu thế nổi bật nhưng đồng thời cũng là căn nguyên của nhiều tranh chấp, xung đột tộc người ở Tây Nguyên chính là tài nguyên đất và rừng. Hạn chế cơ bản của chính sách quản lý tài nguyên đất, rừng ở Tây Nguyên là ở chỗ tầm nhìn và quy hoạch vùng không đồng bộ, cân đối, quá thiên về khai thác tiềm năng kinh tế mà không coi trọng việc duy trì sự cân bằng sinh thái và những hệ lụy về mặt văn hóa, xã hội, đời sống tâm lý do biến đổi môi trường sống tạo nên. Điều cần thiết hiện nay là, cần sớm thay đổi nhận thức về Tây Nguyên một cách căn bản để hướng đến những mục tiêu phát triển toàn diện, bền vững. Phải thực hiện, triển khai đồng bộ các giải pháp đã được xác định tại Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/1/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng và tại “Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2016-2020” được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 886/QĐ-TTg ngày 6/6/2017 và “Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Nguyên đến năm 2020” của Chính phủ. Để bảo vệ nguồn tài nguyên rừng Tây Nguyên có thể tập trung vào một số nhóm giải pháp sau đây:

1. Thực hiện nghiêm túc chủ trương: “Tăng cường bảo vệ và phát triển rừng bền vững, nhất là rừng phòng hộ ven biển, rừng đầu nguồn, rừng đặc dụng; bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học” [25, tr.306]. Trước hết, cần có nhận thức đúng, tổng thể, tầm nhìn lâu dài về các nguồn tài nguyên của đất nước trong đó có tài nguyên rừng đối với chiến lược phát triển xanh, bền vững và sự nghiệp bảo vệ an ninh, an sinh của đất nước. Thứ hai, phải thực hiện quy hoạch, phân loại rừng, củng cố các khu rừng đặc dụng, rừng quốc gia nhằm bảo tồn, phát triển nguồn gen các loài sinh vật quý hiếm. Thứ ba, bảo vệ nghiêm ngặt diện tích rừng tự nhiên còn lại, đồng thời tăng cường các biện pháp đủ mạnh để bảo vệ tài nguyên rừng (kể cả việc tăng cường điều hành, quản lý rừng và xã hội bằng cách phát huy giá trị tích cực của luật tục) [26, tr.104-108], phát triển nguồn lực kinh tế rừng, khẳng định trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan quản lý trong việc bảo vệ đất và rừng... Đây chính là nhóm giải pháp trọng yếu, cấp thiết để bảo vệ tài nguyên, hệ sinh thái văn hóa rừng Tây Nguyên<sup>12</sup>.

2. Thực hiện nghiêm túc lệnh đóng cửa rừng của Chính phủ ngày 1/1/2017, nghiêm cấm và có chế tài nghiêm khắc đối với hành vi xâm phạm tài nguyên rừng (chiếm dụng đất rừng, phá rừng, khai thác gỗ, săn bắn thú rừng...) dưới mọi hình thức. Cần nhận thức rõ ràng rằng, rừng là nguồn sinh kế, môi trường sống chủ yếu của cư dân miền núi nói chung, người Tây Nguyên nói riêng. Khi không còn rừng thì nguồn sống của người Tây Nguyên sẽ bị đe dọa nghiêm trọng. Từ cách tiếp cận vĩ mô, khu vực ta cũng thấy, do chiếm phần đỉnh của “ngã ba Đông Dương” nên việc bảo vệ môi trường sinh thái, rừng nguyên sinh ở Tây Nguyên có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Khi rừng ở Tây Nguyên bị hủy hoại thì chắc chắn môi trường sinh thái, nguồn nước và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của toàn bộ cư dân vùng duyên hải Nam Trung Bộ, Đông Nam Bộ và trên một khu vực rộng lớn hơn cũng sẽ bị đe dọa nghiêm trọng.

<sup>12</sup> Trách nhiệm bảo vệ rừng được giao cụ thể cho bí thư, chủ tịch xã, kiểm lâm. Hiện nay, trung bình một kiểm lâm phải có trách nhiệm quản lý 1.200 ha rừng. Đó là lực lượng quá mỏng nhất là với những địa bàn hiểm trở, rừng nguyên sinh

có nhiều tài nguyên quý. Trách nhiệm giao quản lý rừng giao cho bí thư, chủ tịch xã cũng có nhiều điểm bất cập. Theo chúng tôi, trách nhiệm phải thuộc về người đứng đầu các cấp ủy đảng, chính quyền và các bộ, ngành.

3. Tăng nhanh diện tích đất rừng trong đó chú trọng khôi phục những diện tích rừng tự nhiên đã bị khai thác cạn kiệt, phấn đấu đến năm 2020 tỷ lệ che phủ rừng đạt 42%<sup>13</sup>. Đẩy nhanh tốc độ trồng rừng, phủ xanh đất trống đồi trọc ở Tây Nguyên; quản lý, kiểm soát chặt chẽ và tạm dừng việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất có rừng tự nhiên sang trồng cây công nghiệp, cây nông nghiệp và các mục đích sử dụng khác. Diện tích đất rừng đã trồng cây công nghiệp phải chuyển nhanh sang thâm canh, chế biến sâu, nâng cao chất lượng sản phẩm để trở thành những sản phẩm có giá trị kinh tế cao, đặc hữu của Tây Nguyên. Bên cạnh đó cần có giải pháp nâng cao thu nhập cho cư dân địa phương từ những nguồn lợi của rừng, thực hiện tốt chủ trương “làm giàu từ rừng” đồng thời tạo việc làm mới, hướng nghiệp cho người dân đặc biệt là giới trẻ ở Tây Nguyên<sup>14</sup>.

4. Đẩy mạnh giao đất, giao rừng cho cộng đồng (hộ gia đình), xác định rõ chủ rừng, người chịu trách nhiệm cụ thể về mỗi diện tích rừng trước hết là những vùng rừng đầu nguồn, rừng gắn với truyền thống văn hóa tâm linh của cộng đồng. Đồng thời, đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục trong nhân dân về tầm quan trọng, lợi ích lâu dài, sâu xa của rừng với môi trường sống và bảo tồn hệ sinh thái, văn hóa. Đặc biệt, với các sách giáo khoa, giáo trình “*Địa phương học*” tại các tỉnh Tây Nguyên, cần phải tăng cường các nội dung, kiến thức về bảo vệ các giá trị văn hóa truyền thống gắn với việc bảo vệ rừng, bảo vệ môi trường sinh thái, nguồn nước quý hiếm của Tây Nguyên...

<sup>13</sup> Đề đạt được chỉ tiêu trên, Chính phủ xác định nhiệm vụ (2016-2020): Đảm bảo 15% diện tích hệ sinh thái rừng bị suy thoái được phục hồi và bảo tồn, đặc biệt là hệ thống rừng đặc dụng, phấn đấu đến năm 2020 tăng thêm khoảng 100.000 ha rừng đặc dụng; Tăng cường năng lực thực thi pháp luật, giám sát bản tình trạng vi phạm pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng, trong đó diện tích rừng bị thiệt hại và số vụ bị vi phạm giảm 30-35% so với giai đoạn 2011-2015; Trồng rừng: 1.025.000 ha, trong đó có 75.000 ha rừng phòng hộ, đặc dụng, 200.000 ha rừng trồng thâm canh gỗ lớn; Khoanh nuôi, tái sinh rừng: 360.000 ha/năm; Trồng cây phân tán: 250 triệu cây; Chuyển hóa rừng trồng, kinh doanh gỗ nhỏ sang gỗ lớn: 90.000 ha; Tỷ lệ diện tích rừng trồng được kiểm soát chất lượng giống: 75-80%.

<sup>14</sup> Tại Hội nghị “Định hướng, giải pháp phát triển nhanh,

5. Trên phương diện văn hóa, nếu coi buôn làng và cả nương rẫy là một bộ phận của rừng, tức thế giới tự nhiên, gắn với tâm thức văn hóa, đời sống tâm linh của các thế hệ cư dân địa phương thì điều rõ ràng là, tự nhiên là cái bao trùm, tảng nền mà từ đó hình thành nên văn hóa. Văn hóa Tây Nguyên luôn gắn với rừng, với môi trường sinh thái, môi trường xã hội mà từ đó các giá trị văn hóa sinh thành. Mặt khác, rừng đã thâm nhập vào mọi thành tố của đời sống văn hóa và là những nhân tố tạo thành các giá trị căn cốt của văn hóa. Như vậy, bảo vệ rừng, bảo vệ môi trường sống và hệ sinh thái là bảo vệ văn hóa Tây Nguyên, giữ thế ổn định và phát triển lâu bền cho một khu vực *địa - văn hóa, địa - kinh tế, địa - chiến lược* trọng yếu của đất nước.

Từ những trình bày, phân tích nêu trên, có thể chia sẻ một nhận thức chung là: Rừng với người Tây Nguyên không chỉ là nguồn tài nguyên, hệ sinh thái tự nhiên mà chính là cội nguồn của đời sống văn hóa, tâm linh. Trong thăm sâu tâm hồn, ký ức của các cộng đồng dân tộc luôn có một sự gắn bó tự nhiên, tình cảm ruột thịt và lòng tôn kính với thế giới tự nhiên đã nuôi dưỡng, che chở cho họ. Rừng không chỉ là không gian sinh tồn mà còn là “không gian xã hội” mà ở đó con người luôn sống, hoạt động và tác động vào môi trường sống. “Mất rừng, con người và cộng đồng mất đi cái nền rộng lớn, bền chặt, thăm sâu nhất của mình, trở nên tha hóa, mất gốc, mất cội nguồn. Văn hóa Tây Nguyên là văn hóa rừng, khi không còn rừng thì tất yếu văn hóa rừng sẽ mai một và dần biến mất” [28, tr.4].

bền vững ngành công nghiệp chế biến gỗ và lâm sản xuất khẩu” ngày 8/8/2018 tại thành phố Hồ Chí Minh, Thủ tướng Chính phủ cho rằng: hiện nay xuất khẩu gỗ và các sản phẩm chế biến từ gỗ chiếm 21% tổng giá trị xuất khẩu của ngành nông nghiệp, đạt gần 8 tỷ USD năm 2017. Mức tăng trưởng bình quân của ngành gỗ 18 năm qua đạt trung bình 15% mỗi năm, cao hơn 5 lần so với mức tăng trưởng trong nông nghiệp. Việt Nam hiện có 4.500 doanh nghiệp, 350.000 lao động trong toàn ngành, tạo giá trị bình quân trên 23.000USD/ lao động. Ngành chế biến gỗ, lâm sản của Việt Nam có thể trở thành ngành mũi nhọn, đến năm 2020 phấn đấu đạt kim ngạch xuất khẩu 12-13 tỷ USD, năm 2025 đạt 18-20 tỷ USD. Muốn vậy, Việt Nam phải tập trung đầu tư vào trồng rừng nguyên liệu gỗ lớn, đổi mới KH&CN trong trồng rừng, chế biến gỗ và lâm sản xuất khẩu [27].

Phát triển bền vững vùng Tây Nguyên là một chương trình toàn diện, cần phải có những giải pháp đồng bộ cả về kinh tế, văn hóa, xã hội... Trong chương trình đó, vấn đề bảo vệ các nguồn tài nguyên tự nhiên, “*Hệ sinh thái văn hóa rừng*” có vai trò hết sức quan trọng. Việc bảo vệ thành công “*Hệ sinh thái văn hóa rừng*” chính là nhằm đến mục tiêu đảm bảo cho một Tây Nguyên phát triển trong tương lai vừa thích ứng, hội nhập, vừa lưu giữ được những hồn xưa, nếp cổ của một vùng văn hóa giàu đậm bản sắc và sinh lực sáng tạo.

### Tài liệu tham khảo

- [1] Trần Quốc Vượng, Việt Nam: Cái nhìn địa - văn hóa, NXB Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 1998.
- [2] Trương Quang Học, Việt Nam - Thiên nhiên, Môi trường và Phát triển bền vững, NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội, 2012.
- [3] Nguyễn Văn Chiển, (chủ biên), Tây Nguyên - Các điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên, NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội, 1985.
- [4] Lê Văn Khoa, Phạm Quang Tú (Đồng Cb.), Hướng tới phát triển bền vững Tây Nguyên, NXB Tri thức, Hà Nội, 2014.
- [5] Georges Condominas, Không gian xã hội vùng Đông Nam Á, NXB Văn hóa, Hà Nội, 1997.
- [6] Ngô Đức Thịnh, Một số đặc trưng văn hóa Tây Nguyên, Tạp chí Khoa học xã hội Tây Nguyên 1 (2011), 32.
- [7] Jacques Dournes, Rừng, Đàn bà, Diên loạn, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 2006.
- [8] Nguoidothi.net, Người Tây Nguyên “làm” văn hóa ra sao?, <https://nguoidothi.net.vn/nguyen-ngoc-nguoi-tay-nguyen-lam-van-hoa-nhu-the-nao-12614.html> 2018 (truy cập ngày 27/4/2018).
- [9] G. Condominas, Chúng tôi ăn rừng, NXB Thế giới, Hà Nội, 2003.
- [10] Ngô Văn Doanh, Bơ thi - Cái chết được hồi sinh, NXB Thế giới, Hà Nội, 2007.
- [11] Nguyễn Từ Chi, Góp phần nghiên cứu văn hóa và tộc người, NXB Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 2003.
- [12] Nguyễn Thị Kim Vân, Tín ngưỡng và tôn giáo dân tộc Bahnar, Jrai, NXB Văn hóa Dân tộc, Hà Nội, 2013.
- [13] Viện Dân tộc học, Các dân tộc ít người ở Việt Nam (các tỉnh phía nam), NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1984.
- [14] Hội Văn nghệ Dân gian Việt Nam, Luật tục Êđê (Tập quán pháp), NXB Văn hóa Dân tộc, Hà Nội, 2012.
- [15] Viện Nghiên cứu Văn hóa dân gian, Luật tục M’ông (tập quán pháp), NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1998.
- [16] William D. Sunderlin, Huỳnh Thu Ba, Giảm nghèo và Rừng ở Việt Nam, CIFOR xuất bản, 2005.
- [17] Baodientu.chinhphu, Thủ tướng: Kiên quyết đóng cửa rừng tự nhiên, <http://baodientu.chinhphu.vn/Thoi-su/Thu-tuong-Kien-quyet-dong-cua-rung-tu-nhien/279302.vgp> 2016 (truy cập ngày 20/6/2016).
- [18] Văn phòng Chính phủ (2017), Thông báo Kết luận của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc tại Hội nghị trực tuyến toàn quốc về “Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ rừng và giải pháp thực hiện trong thời gian tới”, <http://vpcp.chinhphu.vn/Home/Tang-cuong-cong-tac-quan-ly-bao-ve-rung/201711/22705.vgp> 2016, 2017 (truy cập ngày 20/6/2016 và 1/11/2017).
- [19] Lưu Hùng, Góp phần tìm hiểu Trường Sơn - Tây Nguyên, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2014.
- [20] Vương Xuân Tinh, Tái lập quản lý cộng đồng về đất đai ở các buôn làng Tây Nguyên, Báo cáo tại Hội thảo Khoa học Luật tục - hương ước và những vấn đề phát triển kinh tế xã hội ở buôn làng các dân tộc Tây Nguyên, Pleiku, 2001.
- [21] Nguyễn Văn Kim, Ché và tâm thức ché, Tạp chí Văn hóa học 4 (2018) 45-59.
- [22] Oscar Salemin, The King of Fire and Vietnamese Ethnic Policy in the Central Highlands in Don McCaskill, Ken Kampe (Ed.), Development or Domestication? Indigenous Peoples of Southeast Asia, Silkworm Books, Thailand, 1997, 488-532.
- [23] Nguyễn Ngọc, Phát triển bền vững ở Tây Nguyên trong Nhiều tác giả, Nông dân, nông nghiệp, nông thôn: Những vấn đề đang đặt ra, NXB Tri thức, Hà Nội, 2008.
- [24] Trương Minh Dục, Quan hệ tộc người ở Tây Nguyên trong thời kỳ Đổi mới, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2016.
- [25] Đảng Cộng sản Việt Nam, (2016). Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội.
- [26] Phan Đăng Nhật, Ba nguyên tắc căn bản trong việc phát triển bền vững vùng Trường Sơn - Tây Nguyên, trong: Viện Việt Nam học và KHPT, ĐHQG Hà Nội (2011). Cơ sở khoa học cho Phát triển vùng trong bối cảnh hội nhập quốc tế của Việt Nam, Hà Nội, 2001.

- [27] Dantri, Thủ tướng: Kiên quyết đóng cửa rừng tự nhiên, không phá rừng làm cây công nghiệp, <https://dantri.com.vn/xa-hoi/thu-tuong-kien-quyet-dong-cua-rung-tu-nhien-khong-pha-rung-lam-cay-cong-nghiep-20180808202734776.htm> 2018, (truy cập ngày 8/8/2018).
- [28] Ưông Thái Biểu, Làm gì để bảo vệ văn hóa cổ truyền Tây Nguyên, Báo Nhân Dân 22929 (2018), tr.4.